

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST.

Ngày: 16/02/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trương Hoàng Hoa.

2/Ông Châu Văn Bình.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2021/QĐST-DS ngày 18/6/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm ngày 25/01/2022, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Nguyễn Tấn A, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Cao Quốc A1, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: khu M1, thị trấn N, huyện X, Tiền Giang.

****Bị đơn:*** Dương Kim B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M2, xã N1, huyện X, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Tấn A trình bày:***

Ngày 21/12/2018 ông A có cho bà Dương Kim B vay số tiền 150.000.000 đồng. Nhằm đảm bảo cho khoản tiền vay, bà B thế chấp cho ông A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 26274 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp

ngày 15/7/2014 thửa số 386, tờ bản đồ số 24, diện tích 342,7 m², đất tại ấp M2, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang. Các bên có lập hợp đồng thế chấp tài sản và được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện Chợ Gạo số công chứng 4728, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/12/2018. Theo hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên thì thời gian vay 01 năm từ ngày 21/12/2018 đến ngày 21/12/2019, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Sau khi ký hợp đồng, ông A có giao tiền cho bà B và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà B thế chấp. Đến nay thời hạn vay đã hết, mặc dù ông A đã nhiều lần gặp yêu cầu bà B trả vốn vay và lãi nhưng bà B cố tình tránh né và không thực hiện trả nợ.

Ông A khởi kiện yêu cầu bà B phải có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 22/12/2019 đến khi Tòa án xét xử, lãi suất là 0,83%/tháng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông A tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà B đã thế chấp khi bà B đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

*Bà Dương Kim B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có bản khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về pháp luật tố tụng*: Bị đơn là bà Dương Kim B cư trú tại ấp M2, xã N1, huyện X nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Dương Kim B.

[2] Giữa Ông Nguyễn Tấn A và bà Dương Kim B có giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Tấn A trình bày vào ngày 21/12/2018 bà Dương Kim B có vay của ông A số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, bà B thế chấp cho ông A 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện qua hợp đồng có công chứng. Đến ngày 21/12/2019 là hết hạn hợp đồng nhưng bà B đã ngưng không trả vốn, lãi nên ông A khởi kiện đòi.

Tại đơn khởi kiện, ông A yêu cầu bà B trả cho ông số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và tính lãi suất 0,83 %/tháng từ ngày 22/12/2019 đến ngày Tòa án xét xử. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông A vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện của ông A.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi*

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Xét thấy, bà Dương Kim B đã nhận đủ số tiền vay, có làm thành hợp đồng, có công chứng nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận mặc dù ông A đã nhiều lần nhắc nhở; việc bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng về việc thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho ông Nguyễn Tấn A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận theo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn A, buộc bà Dương Kim B phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi được tính như sau:

$150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 32.370.000 \text{ đồng}.$

[3] *Về án phí:* Dương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn A. Buộc bà Dương Kim B trả cho ông Nguyễn Tấn A số tiền 182.370.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) (*trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 32.370.000 đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Tấn A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Dương Kim B chậm trả tiền thì bà B còn phải trả lãi theo lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.Án phí:

-Bà Dương Kim B phải chịu 9.118.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Ông Nguyễn Tấn A được hoàn lại 4.154.625 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004656 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Tấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Dương Kim B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt